

BÁO CÁO

Kết quả giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em trên thành phố Hà Nội từ năm 2015 đến tháng 4/2018

Thực hiện Quyết định số 15/QĐ-HĐND ngày 08/5/2018 của Ban Văn hóa- Xã hội HĐND Thành phố về giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2015 đến tháng 4/2018. Ban Văn hóa- Xã hội HĐND Thành phố đã tổ chức giám sát qua báo cáo của các Sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa- Thể thao, Công an Thành phố và báo cáo của 26 quận, huyện, thị xã (*Phụ lục số 01*). Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố tổng hợp kết quả như sau:

1. Kết quả đạt được

Trong những năm qua, công tác triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo triển khai từ Thành phố đến cơ sở. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội đã phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu UBND Thành phố ban hành nhiều văn bản chỉ đạo (*Phụ lục số 01*); bên cạnh đó, các sở, ngành Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã cũng đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức, triển khai nhằm thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em trên địa bàn Thành phố (*Phụ lục số 01*).

(1) Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; kiến thức phòng, tránh bạo lực, xâm hại tình dục, tai nạn thương tích; giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình được quan tâm. Các sở, ngành Thành phố và các quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, truyền thông trực tiếp, tổ chức diễn đàn, kẻ vẽ khẩu hiệu, phát tờ rơi, in ấn và cấp phát các sản phẩm truyền thông, nói chuyện chuyên đề, phóng sự, viết bài trên báo, đài trung ương và địa phương (*Phụ lục số 01*)... Sự vào cuộc của các phương tiện thông tin đại chúng đã góp phần không nhỏ trong công tác phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em, tạo hiệu ứng xã hội trong việc bảo vệ trẻ em khỏi nguy cơ bị bạo lực, xâm hại và các nguy cơ khác.

(2) Công tác rà soát, thu thập và báo cáo số liệu trẻ em nói chung, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt nói riêng

được quan tâm và được xác định là nhiệm vụ biệt quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc trẻ em (*Phụ lục số 01*). Công tác chỉ đạo triển khai các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, hỗ trợ can thiệp và bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; tiếp nhận xử lý các vụ việc bạo lực, xâm hại, bỏ rơi trẻ em đã được các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được hỗ trợ bằng nhiều hình thức như: được hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên theo quy định, được trợ giúp về y tế, giáo dục, hỗ trợ học nghề, giới thiệu tạo việc làm, tư vấn hỗ trợ pháp lý...(*Có biểu phụ lục kèm theo*); đã tiếp nhận, xử lý 69 vụ việc liên quan đến thực hiện quyền trẻ em, trẻ em bị xâm hại/lạm dụng, bạo hành. Tất cả các vụ việc đã được giải quyết theo quy định của pháp luật, 100% trẻ em đều được tư vấn, hỗ trợ ổn định tâm lý, hòa nhập cộng đồng. Nhiều trường hợp trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt đã được hỗ trợ, can thiệp kịp thời để không rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

Hoạt động của các câu lạc bộ phòng chống bạo lực gia đình được duy trì; Phòng Văn hóa&Thông tin quận, huyện, thị xã đã phối hợp với các tổ chức chính trị- xã hội ở cơ sở can thiệp, xử lý kịp thời các vụ việc bạo lực gia đình¹. Công tác quản lý, kiểm soát văn hóa phẩm, các luồng văn hóa độc hại, bạo lực đối với trẻ em được duy trì thường xuyên, Sở Văn hóa và Thể thao đã tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp kinh doanh dịch vụ văn hóa (bar, karaoke...), trò chơi điện tử trái phép ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và sự phát triển lành mạnh về tinh thần của trẻ em². Sở Lao động, Thương binh và Xã hội đã tiến hành 06 đợt kiểm tra: việc thực hiện xã, phường phù hợp với trẻ em; kiểm tra tình hình cấp, quản lý thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi; mô hình phòng chống tai nạn thương tích trẻ em... Công an Hà Nội đã tổ chức điều tra, khám phá 236 vụ, 237 đối tượng có hành vi xâm hại 247 trẻ em. Qua công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, khám phá đã kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các vụ việc xâm hại, lạm dụng, vi phạm quyền trẻ em.

(3) Triển khai kịp thời và thực hiện tốt các chính sách về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em. Công tác tiêm chủng mở rộng được triển khai ở 100% xã, phường, thị trấn, đến hết năm 2017, tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng đạt 95,7%. Công tác cấp thẻ BHYT, khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi được quan tâm thực hiện, tính đến hết quý I/2018, toàn Thành phố đã có 834.450/841.944 trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ BHYT (đạt 99,1%) (trong đó, 100% trẻ em trong các hộ nghèo, cận nghèo được hỗ trợ mua BHYT); đối với nhóm trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hỗ trợ phẫu

¹ Hiện nay, Thành phố có 437 mô hình phòng, chống bạo lực gia đình; 1.394 địa chỉ tin cậy ở cộng đồng, 538 cơ sở tư vấn, 619 cơ sở khám chữa bệnh. Tính đến tháng 12/2017, toàn Thành phố có hơn 791 vụ bạo lực gia đình đã được can thiệp, xử lý kịp thời.

² Kiểm tra, xử lý 937 tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh các dịch vụ văn hóa, lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính 126 trường hợp; kiểm tra 30 cơ sở kinh doanh trò chơi điện tử, lập biên bản và ra quyết định xử phạt VPHC 03 cơ sở; kiểm tra 16 cơ sở kinh doanh vi phạm quy định về quyền tác giả, quyền liên quan, lập biên bản và ra quyết định xử phạt VPHC đối với 16 cơ sở.

thuật tim bẩm sinh, từ năm 2015 đến nay đã có 132 em được hỗ trợ với tổng kinh phí 3,4 tỷ đồng.

(4) Sự nghiệp giáo dục cho trẻ em được Thành phố đặc biệt quan tâm; quy mô giáo dục, hệ thống trường, lớp tiếp tục phát triển bền vững; chất lượng và hiệu quả giáo dục từng bước được nâng lên. Cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học được đầu tư, đặc biệt đã xóa được phòng học tạm. Các chính sách ưu tiên, ưu đãi, miễn giảm học phí theo Nghị định 49/2010/NĐ-CP của Chính phủ được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

Công tác giáo dục kỹ năng sống phòng tránh các nguy cơ bị bạo lực xâm hại, sa vào các tệ nạn xã hội cho học sinh, rà soát các tiêu chuẩn trường học, đạo đức nghề nghiệp đảm bảo môi trường giáo dục an toàn lành mạnh đã được quan tâm chú trọng³. Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các nhà trường phối hợp chặt chẽ với gia đình trong công tác quản lý, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh. Kịp thời ngăn chặn các vụ việc học sinh tổ chức gây gổ, đánh nhau và có biểu hiện gây mất an ninh trật tự ở trong, ngoài nhà trường.

Phong trào phổ cập bơi, phòng chống tai nạn đuối nước ở trẻ em, tạo môi trường sống an toàn lành mạnh cho trẻ được triển khai trên toàn Thành phố⁴, 100% các quận, huyện, thị xã xây dựng kế hoạch, mở các lớp dạy bơi miễn phí, phòng chống tai nạn đuối nước cho trẻ em. Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các trường có đủ diện tích xây dựng bể bơi mini hoặc lắp đặt "bể bơi thông minh", đến hết tháng 4/2018, toàn Thành phố có 26 bể bơi mini, 107 bể bơi thông minh được xây dựng và lắp đặt trong nhà trường và 94 bể bơi đóng trên địa bàn được phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp dạy bơi cho học sinh⁵. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội đã hướng dẫn và bố trí 683,5 triệu đồng thực hiện 15 mô hình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em tại một số xã, phường có nguy cơ cao, góp phần giảm dần số lượng trẻ em bị tai nạn, thương tích và tử vong do tai nạn thương tích qua các năm.

(5) Thành phố đã quan tâm, chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg ngày 30/5/2014 của Thủ Tướng Chính phủ về xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em, tính đến hết năm 2017, có 543/584 đơn vị đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em (đạt 93%), đã góp phần tích cực xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh cho trẻ.

Thành phố cũng đã quan tâm dành nguồn kinh phí cho sự nghiệp bảo vệ chăm sóc trẻ em trên địa bàn, tính từ năm 2015 đến năm 2018 đã bố trí 20.900

³ Đã cung cấp cho 100% trường học cuốn "Cẩm nang tham vấn học đường", đưa vào giảng dạy, học tập Bộ tài liệu "Giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh cho học sinh phổ thông Hà Nội"; chỉ đạo, hướng dẫn 1.557 trường THPT, THCS, TH thành lập bộ phận tham vấn học đường.

⁴ Sở Văn hóa, Thể thao đã chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các quận, huyện, thị xã triển khai chương trình bơi an toàn, phòng chống đuối nước trẻ em. Hàng năm đã tổ chức dạy bơi cho khoảng 30.000 em và đào tạo trên 300 huấn luyện viên, hướng dẫn viên phục vụ công tác phòng chống tai nạn sông nước cho cơ sở; từ năm 2015 đến hết năm 2017 đã tổ chức dạy bơi miễn phí cho 56.000 em.

⁵ Tính riêng hệ năm 2017, toàn Thành phố có 78.000 học sinh Tiểu học và THCS được phổ cập bơi; Huyện Thanh Trì: Có 15 bể bơi được xây dựng trong các trường học, đã phổ cập bơi cho 12.284 học sinh.

triệu đồng (*tính riêng của Sở Lao động, Thương binh Xã hội được phê duyệt chi cho nghiệp vụ bảo vệ chăm sóc trẻ em*), ngoài ra còn các nguồn huy động thông qua Quỹ bảo trợ trẻ em Thành phố, kinh phí hỗ trợ từ tổ chức ILO⁶ tạo điều kiện hỗ trợ hiệu quả cho các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn Thành phố.

(6) Đội ngũ cán bộ, cộng tác viên làm công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em đã được bố trí cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ⁷. Chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cộng tác viên được quan tâm. Công tác tập huấn bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được duy trì nền nếp. Hệ thống dịch vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em được thiết lập có khả năng thực hiện hoạt động hỗ trợ độc lập hoặc kết nối để tư vấn, tham vấn, trợ giúp trẻ em⁸.

(7) Công tác phối hợp giữa các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em được quan tâm, đặc biệt đối với các vụ việc liên quan đến vi phạm quyền trẻ em, trẻ em bị xâm hại, lạm dụng, bạo hành, kịp thời giải quyết, đảm bảo quyền cho trẻ em. Công an Hà Nội đã duy trì đường dây nóng, hòm thư tố giác tội phạm để quần chúng nhân dân kịp thời cung cấp thông tin về các biểu hiện nghi vấn của đối tượng có hành vi bạo lực, xâm hại, bóc lột trẻ em và các hành vi khác.

2. Hạn chế, tồn tại

(1) Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về chăm sóc, bảo vệ, giáo dục trẻ em có lúc, có nơi chưa được duy trì thường xuyên, liên tục, còn mang tính thời điểm nên chưa phát huy được hiệu quả.

(2) Tình trạng xâm hại trẻ em trong những năm gần đây có xu hướng gia tăng⁹ và diễn biến phức tạp, gây bức xúc, nhức nhối trong dư luận xã hội, báo động tình trạng xuống cấp đạo đức của một bộ phận người dân, ảnh hưởng nghiêm trọng đến thể chất, tinh thần của các em nhỏ.

(3) Công tác nắm tình hình tại một số đơn vị có lúc, có nơi chưa chủ động, kịp thời; công tác rà soát, thu thập và quản lý bộ chỉ tiêu số liệu trẻ em ở một số đơn vị chưa đảm bảo, một số nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chưa được thống kê quản lý đầy đủ dẫn đến công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý tội phạm xâm hại trẻ em đạt hiệu quả chưa cao; việc giải quyết thông tin về trường

⁶Tính từ năm 2015 đến hết tháng 4/2018, kinh phí huy động thông qua Quỹ bảo trợ trẻ em Thành phố là 35.122.062.500 đồng; kinh phí hỗ trợ từ tổ chức ILO giai đoạn từ tháng 12/2017-7/2018 là: 1.264.000.000 đồng.

⁷Cấp Thành phố có 22 cán bộ, cấp huyện có 58 cán bộ (08 chuyên trách, 50 cán bộ kiêm nhiệm), cấp xã có 584 cán bộ (494 cán bộ LĐTĐ và 90 cán bộ làm công tác khác đảm nhận thực hiện nhiệm vụ BVCSTE) làm công tác BVCSTE; đội ngũ cộng tác viên, toàn Thành phố có 10.936 cộng tác viên đảm nhận 02 nhiệm vụ về công tác DS-KHHGD và BVCSTE.

⁸Tính đến cuối năm 2017, toàn Thành phố có 41 cơ sở bảo trợ xã hội, (trong đó có: 15 cơ sở công lập, 26 cơ sở ngoài công lập); 02 văn phòng tư vấn bảo vệ trẻ em cấp huyện; 03 điểm tư vấn cộng đồng; 130 điểm tư vấn trường học; 01 Trung tâm cung cấp dịch vụ công tác xã hội Thành phố.

⁹Năm 2015: 44 vụ, 50 đối tượng; năm 2016: 44 vụ, 45 đối tượng; năm 2017: 67 vụ, 78 đối tượng (Nguồn: Báo cáo của Công an Hà Nội).

hợp trẻ bị bạo lực, xâm hại có lúc, có nơi còn thiếu kịp thời, hiệu quả chưa cao; kết quả giảm tai nạn thương tích trẻ em chưa bền vững¹⁰.

(4) Các thiết chế văn hóa, thông tin và cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em ở một số địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu của trẻ em. Một số địa phương còn thiếu điểm vui chơi công cộng dành cho trẻ em¹¹. Một số địa phương tuy đã đầu tư sân chơi cho trẻ em nhưng chưa có phương thức tổ chức hoạt động phù hợp, nhiều nơi bị chiếm dụng cho mục đích kinh doanh như trông giữ xe, bán hàng nước, tập kết nguyên vật liệu xây dựng...

(5) Hệ thống dịch vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em còn thiếu về số lượng và chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra, đặc biệt là điểm tư vấn tại cộng đồng, trường học. Một số cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em cấp phường trình độ còn hạn chế. Kỹ năng, nghiệp vụ của một số cộng tác viên, tình nguyện viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu.

(6) Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học ở một số trường còn hạn chế; còn một số ít học sinh chưa thực sự cố gắng trong rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, có lối sống buông thả, sống thử, vắng tục, chửi bậy vi phạm đạo đức, thuần phong mỹ tục; nhiều trường hợp còn có những hành vi thiếu văn hóa, thiếu lễ phép với thầy cô giáo...

(7) Công tác kiểm tra, giám sát việc thi hành chính sách, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức; công tác phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc quản lý, giáo dục học sinh có lúc, có nơi chưa thường xuyên, chưa chặt chẽ; công tác kiểm soát các luồng văn hóa, thông tin độc hại, bạo lực đối với trẻ em còn hạn chế.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

(1) Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của cả nước nên thu hút một lượng lớn dân di cư tự do từ các tỉnh, thành khác, các nước trong khu vực và quốc tế đến trong đó có trẻ em, nhiều trường hợp nơi ở không cố định...Điều này gây khó khăn không nhỏ cho việc quản lý trẻ em, nắm bắt tình hình cũng như việc tiến hành các hoạt động hỗ trợ, can thiệp trợ giúp đối với trẻ em.

(2) Do tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường dẫn đến sự xuống cấp về đạo đức xã hội, môi trường xã hội; sự tác động của thông tin, truyền thông, văn hoá phẩm, trò chơi bạo lực, khiêu dâm; những áp lực về tâm lý và kinh tế trong đời sống gia đình, xã hội...đã dẫn đến nguy cơ cao nảy sinh bạo lực, xâm hại nói chung và bạo lực, xâm hại trẻ em nói riêng.

¹⁰Năm 2015 có 2.434 trẻ em bị tai nạn, thương tích, trong đó 69 trẻ em tử vong; năm 2016 có 2.099 trẻ em bị tai nạn thương tích, trong đó 67 trẻ em bị tử vong; năm 2017 có 1857 trẻ em bị tai nạn, thương tích, trong đó 65 trẻ em bị tử vong.

¹¹Hai Bà Trưng, Long Biên, Hà Đông, Nam Từ Liêm, Ba Vì, Chương Mỹ, Gia Lâm, Sóc Sơn, Thạch Thất.

(3) Bạo lực, xâm hại trẻ em không chỉ diễn ra trong cộng đồng hay tại nơi làm việc mà còn diễn ra ngay tại gia đình, nhà trường và các cơ sở chăm sóc trẻ em tập trung. Đối tượng bạo lực, xâm hại trẻ em, xâm hại tình dục trẻ em đa số có mối quan hệ quen biết với gia đình nạn nhân (*hàng xóm, bạn bè của bố mẹ, anh em thậm trí là bố đẻ, bố dượng, thầy cô giáo, bạn bè...*) nên gia đình không cảnh giác, đề phòng, nạn nhân thường là các cháu nhỏ, còn ít tuổi nên thiếu hiểu biết hoặc nhận thức còn hạn chế, không có khả năng tự bảo vệ trước sự xâm hại của các đối tượng. Cá biệt có nạn nhân do ảnh hưởng của văn hóa phẩm đồi trụy và các tệ nạn xã hội, lười học tập, lao động, ăn chơi đua đòi, thích hưởng thụ, có lối sống buông thả.

(4) Chế tài xử lý vi phạm hành chính còn thiếu, chưa đủ sức răn đe đối với những cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ văn hóa, dịch vụ thể thao. Nhiều trò chơi điện tử có nội dung cờ bạc trá hình (trò chơi bắn cá, trò chơi đặt cược) nhưng không thuộc thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của ngành văn hóa, thể thao nên không thể thực hiện được.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

(1) Nhận thức về vai trò, vị trí của trẻ em cũng như vai trò trách nhiệm của gia đình, xã hội đối với việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em một số nơi chưa đầy đủ, sâu sắc. Việc quan tâm chỉ đạo của một số cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em còn hạn chế, chưa chủ động tập trung tìm giải pháp tác động kịp thời để giải quyết các vấn đề nổi cộm về trẻ em, coi công tác phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em là nhiệm vụ riêng của ngành Công an nên việc phối kết hợp chưa chặt chẽ, thống nhất dẫn đến hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh chống các loại tội phạm này chưa cao.

(2) Ý thức tố giác tội phạm xâm hại tình dục trẻ em của người dân còn hạn chế, nhiều gia đình có con em bị xâm hại nhưng xấu hổ, sợ bị kỳ thị nên không báo tin, tố giác tội phạm gây khó khăn cho công tác đấu tranh, xử lý với các đối tượng có hành vi phạm tội.

(3) Việc giáo dục giới tính, nhân cách, kỹ năng sống cho trẻ em trong cộng đồng, trường học...vẫn chỉ mang tính hình thức, không rõ ràng. Bên cạnh đó, thiếu sự quản lý của các gia đình, cha mẹ mãi làm ăn kiếm sống, thiếu hiểu biết về đặc điểm tâm lý trẻ, thiếu sự quan tâm chia sẻ vấn đề giới tính với trẻ em, chưa dạy bảo cho trẻ các kỹ năng cần thiết như: kỹ năng phòng tránh, kỹ năng tự vệ, kỹ năng phản kháng...để chống lại các hành vi xâm hại đến trẻ nhỏ. Cha mẹ thiếu sự quản lý hoặc chiều chuộng quá mức để học sinh có thể tùy ý làm bất cứ điều gì mình muốn.

(4) Một số trường học chưa có biện pháp triệt để đối với hành vi vi phạm của học sinh; chưa chủ động phối hợp cùng cơ quan chức năng, chính quyền địa phương để tìm biện pháp giáo dục tích cực, hiệu quả.

(5) Đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em không ổn định, cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em cấp huyện, thị và xã, thị trấn còn hoạt động kiêm nhiệm¹², do đó có nơi còn yếu trong công tác tham mưu cho cấp ủy và chính quyền ban hành các chương trình, kế hoạch thực hiện các mục tiêu vì trẻ em và một số vấn đề bức xúc có liên quan đến trẻ em, cơ chế phối hợp chưa cụ thể và thiếu đồng bộ.

(6) Nguồn kinh phí dành cho công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em ở một số địa phương còn hạn chế, thậm chí có địa phương bố trí kinh phí cho công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em chưa đảm bảo định mức chi theo Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016 của HĐND Thành phố về "Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách; tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020".

4. Kiến nghị, đề xuất

4.1. Đối với Quốc hội

Đề nghị Quốc hội nghiên cứu, xem xét, điều chỉnh khung hình phạt của Luật Hình sự đối với tội phạm xâm hại tình dục trẻ em để đảm bảo tính răn đe.

4.2. Đối với Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

- Phối hợp với Bộ Nội vụ nghiên cứu, xem xét ban hành hướng dẫn thực hiện Khoản 4, Điều 90, Luật trẻ em về việc bố trí cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở cấp xã để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng cơ chế chính sách cho nhóm trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo và nhóm trẻ em bị thiểu năng trí tuệ, giúp các em thực hiện các quyền cơ bản nhất của trẻ em.

4.3. Đối với UBND Thành phố

- Chỉ đạo các quận, huyện, thị xã bố trí đủ ngân sách cho công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016 của HĐND Thành phố.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố. Đầu tư kinh phí, bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng các khu vui chơi giải trí, bể bơi dạy trẻ tại các huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn, các trường học để phục vụ cho trẻ em.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, thực hiện các chính sách liên quan đến trẻ em và quyền trẻ em.

- Giao trách nhiệm cho người đứng đầu, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn phải thường xuyên quan tâm chỉ đạo, kiểm

¹²Cấp huyện có 58 cán bộ (08 chuyên trách, 50 cán bộ kiêm nhiệm); cấp xã có 584 cán bộ (494 cán bộ LĐTBXH và 90 cán bộ làm công tác khác đảm nhận nhiệm vụ BVCSTE).

tra, đôn đốc quá trình thực hiện và phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra vụ việc bạo hành, xâm hại, đuổi nước trẻ em trên địa bàn.

4.4. Đối với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

- Phối hợp với các quận, huyện, thị xã chỉ đạo tăng cường công tác rà soát, tổng hợp nắm chắc số liệu về trẻ em nói chung, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành đoàn thể liên quan và UBND cấp huyện củng cố, duy trì các loại hình dịch vụ bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục, đáp ứng các nhu cầu can thiệp, trợ giúp của trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục trong tình trạng khẩn cấp; thực hiện tốt công tác tiếp nhận, xử lý thông tin và giải quyết các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em các cấp, nhất là cấp cơ sở. Phối hợp với các quận, huyện, thị xã mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, cộng tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

4.5. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trường học, các cơ sở giáo dục trên địa bàn tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức về phòng, tránh bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em thông qua các buổi ngoại khóa, chuyên đề cho học sinh. Tăng cường giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, phòng tránh các nguy cơ bạo lực, xâm hại và tai nạn thương tích trong trường học.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc giáo dục đạo đức cho học sinh; chủ động phát hiện các trường hợp học sinh có dấu hiệu bị bạo lực, xâm hại.

- Tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật tại các nhà trường, đặc biệt là các trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ, nhóm trẻ; kịp thời chấn chỉnh, phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi xâm hại, bạo lực trẻ em.

- Đề xuất các biện pháp xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh và thân thiện với trẻ em.

4.6. Đối với Sở Văn hóa và Thể thao

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức các hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí cho mọi trẻ em; tuyên truyền, triển khai kế hoạch dạy bơi tới các quận, huyện, thị xã, tiến tới phổ cập bơi phòng chống tai nạn thương tích... Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn việc sử dụng thư viện, câu lạc bộ, nhà văn hóa, điểm vui chơi giải trí, cơ sở thể dục thể thao lành mạnh cho trẻ em; tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, vui chơi, thể dục thể thao và các hoạt động chăm sóc trẻ em tạo cơ hội, điều kiện thuận lợi cho trẻ phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần.

- Thông kê mạng lưới công trình khu vui chơi, giải trí cho trẻ em, có kế hoạch đề xuất xây dựng các điểm vui chơi cho trẻ em; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý chặt chẽ việc xuất bản các sản phẩm văn hóa và việc tổ chức các hoạt động văn hóa đảm bảo cho trẻ em được tiếp cận môi trường văn hóa lành mạnh.

- Tiếp tục làm tốt công tác phòng, chống bạo lực gia đình nhằm bảo vệ trẻ em.

4.7. Đối với Công an Thành phố

- Chỉ đạo thực hiện tốt quản lý nhân khẩu trên địa bàn, nhất là với các nhóm trẻ em có nguy cơ bị bóc lột, bạo lực như: trẻ em tham gia lao động, trẻ em di cư, trẻ em trong các gia đình bố mẹ ly hôn, mắc tệ nạn xã hội...

- Tăng cường công tác tuyên truyền sâu rộng trong cộng đồng, gia đình và nhà trường về việc phòng ngừa, phát hiện, phát hiện, đấu tranh với các hành vi xâm hại trẻ em; nâng cao nhận thức cho người dân về kiến thức phòng, chống tội phạm xâm hại tình dục trẻ em ngoài cộng đồng.

- Rà soát, xử lý triệt để các trường hợp bạo lực, xâm hại trẻ em; chủ động xác minh, nắm tình hình, diễn biến hoạt động của tội phạm xâm hại tình dục trẻ em, có kế hoạch phòng ngừa, ngăn chặn và quản lý chặt chẽ số lượng thanh, thiếu niên chậm tiến, có tiền án, tiền sự, các băng nhóm trên địa bàn là những đối tượng có nguy cơ phạm tội xâm hại tình dục.

4.8. Đối với Ban thi đua khen thưởng- Sở Nội vụ

Đưa các tiêu chí về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em để đánh giá công tác thi đua khen thưởng hàng năm và xét các hình thức khen cao đối với các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

4.9. Đối với UBND các quận, huyện, thị xã

- Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, gia đình đối với công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên của cả hệ thống chính trị nhất là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị trong công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Đưa các mục tiêu bảo vệ trẻ em vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 5 năm và hàng năm.

- Đẩy mạnh công thông tin, tuyên truyền Luật bảo vệ trẻ em; giáo dục, vận động để mọi người dân thấy được tính cấp bách và tầm quan trọng của công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Quan tâm giáo dục pháp luật, kiến thức, kỹ năng bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Phê phán, lên án những hành vi vi phạm pháp luật, bạo lực học đường, bạo hành, xâm hại trẻ em...

- Triển khai thực hiện các giải pháp phòng ngừa, can thiệp, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt. Phòng ngừa trẻ em bị xâm hại tình dục, bị lạm dụng sức lao động, bị mua bán, bị bạo hành. Tăng cường các hoạt động phòng, chống tai nạn thương tích, phòng chống đuối nước cho trẻ em. Hạn chế các tác động tiêu cực của thế giới công nghệ số tới sự phát triển toàn diện của trẻ em.

- Chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện nghiêm túc quy trình hỗ trợ, can thiệp đối với trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được quy định tại Nghị định 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em. Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình can thiệp, trợ giúp trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục. Xử lý nghiêm các trường hợp xâm hại tình dục trẻ em ở địa phương.

- Bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao tại các xã, phường, các trường học (xây dựng các bể bơi, khu vui chơi, công viên, vườn hoa... phục vụ cho trẻ em. Tạo điều kiện cho trẻ em thực hiện các quyền cơ bản của mình.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách liên quan đến trẻ em, thực hiện các quyền của trẻ em; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về xâm hại, bạo lực, lôi kéo trẻ em vào hoạt động tội phạm và cản trở việc thực hiện các quyền của trẻ em. Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm; kịp thời động viên, khen thưởng các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Bố trí đầy đủ định mức phân bổ kinh phí cho công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em trên địa bàn. Huy động nguồn lực từ các tổ chức, các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, cả cộng đồng cùng chăm lo sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, cộng tác viên làm công tác trẻ em. Thường xuyên rà soát, củng cố và kiện toàn đội ngũ cộng tác viên làm công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em ở khu dân cư đảm bảo đủ số lượng và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2015 đến tháng 4/2018, Ban Văn hóa - Xã hội xin báo cáo Thường trực Thành ủy, HĐND, Thường trực HĐND Thành phố và đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, thực hiện các kiến nghị nêu trên./.

Nơi nhận:

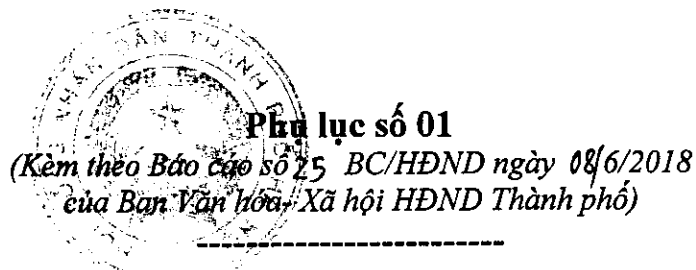
- VP QH; VP CP;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Đ/c Bí thư Thành ủy Hà Nội;
- TT Thành ủy; TT HĐND TP; UBND TP;
- Đ/c Phùng Thị Hồng Hà- PCT HĐND TP;
- Các thành viên Ban VHXH;
- Các sở, ngành: Lao động, Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa và Thể thao, Công an TP, Ban Thi đua khen thưởng- Sở Nội vụ;
- Thường trực HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- VP TU, HĐND, UBND TP;
- Lưu: VT, Ban VHXH./.

Để
báo
cáo

**TM. BAN VĂN HÓA- XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN**



Trần Thế Cường



Phụ lục số 01

(Kèm theo Báo cáo số 25 BC/HĐND ngày 08/6/2018
của Ban Văn hóa, Xã hội HĐND Thành phố)

1. 04 quận, huyện không gửi báo cáo (Tây Hồ, Đống Đa, Đông Anh và Thanh Oai).

2. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tham mưu ban hành 17 văn bản: Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 21/01/2015 về phòng chống tai nạn thương tích trẻ em tại cộng đồng thành phố Hà Nội năm 2015, Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 về giao nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho cộng tác viên DS-KHHGĐ tại các thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội, Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 22/4/2016 về thực hiện chương trình phòng chống tai nạn, thương tích trẻ em trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016- 2020, Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 16/01/2018 về ngăn ngừa và trợ giúp trẻ em bị bạo lực, xâm hại trên địa bàn Thành phố...; Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu ban hành Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 28/9/2016 về tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2016- 2020, Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 15/01/2018 về thực hiện quy định môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường...; Công an Hà Nội tham mưu ban hành Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 22/5/2017 về phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, vi phạm pháp luật về xâm hại tình dục trẻ em...

3. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành 23 công văn, 18 kế hoạch và 03 hướng dẫn; Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành 06 kế hoạch, công văn, hướng dẫn; Công an Thành phố đã xây dựng các kế hoạch về đấu tranh phòng chống các loại tội phạm xâm hại trẻ em, tội phạm trong lứa tuổi chưa thành niên trên địa bàn Thành phố...; huyện Thanh Trì ban hành Kế hoạch về Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016- 2020, kế hoạch về chương trình phòng, chống tai nạn thương tích giai đoạn 2016-2020...; UBND Thị xã Sơn Tây: Ban hành 25 kế hoạch: Kế hoạch tổ chức diễn đàn "Lắng nghe trẻ em nói" năm 2015, 2016, 2017, Kế hoạch số 250/KH-UBND về thực hiện chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em năm 2016...; UBND huyện Hoài Đức: Kế hoạch thực hiện Chương trình Quốc gia Bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016- 2020; Kế hoạch thực hiện Chương trình phòng, chống tai nạn thương tích giai đoạn 2016- 2020...; UBND quận Hai Bà Trưng: Kế hoạch số 57/KH-UBND thực hiện chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 111/KH-UBND thực hiện chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em giai đoạn 2016-2020...; Huyện Sóc Sơn ban hành 22 kế hoạch: Kế hoạch thực hiện Chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em giai đoạn 2016- 2020; Kế hoạch ngăn ngừa và trợ giúp trẻ em bị bạo lực, xâm hại...

4. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp với Đài PTTH Hà Nội xây dựng 9 chuyên đề, trailer, phóng sự tuyên truyền về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em; phối hợp với báo Hà Nội mới, tạp chí Gia đình & Trẻ em, báo Phụ nữ thủ đô xây dựng hơn 90 chuyên mục, chuyên đề, in ấn và cấp phát gần 350.000 sản phẩm truyền thông như tờ rơi, poster, apphich...; 14.000 sổ theo dõi trẻ em trong hộ gia đình; tổ chức 42 cuộc nói chuyện chuyên đề, truyền thông trực tiếp cho 8.400 cha mẹ, người chăm sóc trẻ về phòng chống xâm hại/ lạm dụng, phòng chống tai nạn thương tích trẻ em...; Sở Văn hóa, Thể thao chỉ đạo phòng Văn hóa và Thông tin quận, huyện, thị xã phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ tổ chức được 2.148 buổi tuyên truyền Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới, phối hợp với Đài PTTH Hà Nội xây dựng 04 phóng sự, phát hành 5.000 tạp chí chuyên đề tới các quận, huyện, thị xã...; quận Long Biên: Hơn 3 năm, đã tổ chức 5.650 lượt phát thanh, căng treo 1.255 pano, khẩu hiệu tuyên truyền; 25 diễn đàn trẻ em (cả cấp quận, phường); 15.500 các ấn phẩm truyền thông được sản xuất, nhân bản; 125 lớp tập huấn, 135 cuộc truyền thông...; huyện Thạch Thất: Hơn 3 năm đã cấp tổng số 37.650 tờ rơi, băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền về công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em, 18 hội nghị truyền thông, nói chuyện chuyên đề về bảo vệ chăm sóc trẻ em cho 3.600 lượt cha mẹ có trẻ em dưới 16 tuổi...

5. Năm 2015 có 1.778.298 trẻ em, 13.325 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và 42.017 trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt trong đó có 32.140 trẻ em sống trong gia đình nghèo; Năm 2016 có 1.796.480 trẻ em, 14.000 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và 50.786 trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt trong đó có 35.738 trẻ em sống trong gia đình nghèo; Năm 2017, có 1.864.886 trẻ em, 14.261 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (theo Luật trẻ em 2016), 35.221 nhóm trẻ em khác trong đó có 30.737 trẻ em sống trong các gia đình nghèo... Hàng năm, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội đã hỗ trợ một phần kinh phí cho 30 quận, huyện, thị xã thống kê, rà soát, tổng hợp và báo cáo số liệu thông qua hợp đồng trách nhiệm (*Năm 2015, 2016, 2017: hỗ trợ 180 triệu đồng/năm; riêng năm 2018: Sở hỗ trợ 225 triệu đồng trong đó tổng hợp bộ chỉ tiêu số liệu là 180 triệu đồng và 45 triệu đồng cho việc tổng hợp danh sách trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt*).

6. Năm 2015 có 13.245/13.325 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, đạt tỷ lệ 99,4%; năm 2016 có 13.882/14.000 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp (đạt tỷ lệ 99,2%), năm 2017 có 14.165/14.261 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp (đạt tỷ lệ 99,3%). Tính đến tháng 4/2018, có 872 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được đưa vào nuôi dưỡng, chăm sóc tại các trung tâm, làng thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội./.

THỐNG KÊ TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT VÀ NGUY CƠ RƠI VÀO HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT NĂM 2015

(Đính kèm theo Báo cáo số 25 /BC-HĐND ngày 08/6/2018 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND TP)

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	Năm 2015								
		Tổng số trẻ em	Tổng số trẻ em được chăm sóc	Tỷ lệ được chăm sóc	Trong đó:					
					Được hưởng trợ cấp XH thường xuyên	TE đượ trợ giúp về y tế	Được trợ giúp về giáo dục	Được hỗ trợ học nghề, giới thiệu, tạo việc làm	Được tư vấn, hỗ trợ pháp lý	Số trẻ em được chăm sóc bằng các hình thức khác
		Người	Người	(%)	Người	Người	Người	Người	Người	Người
I	Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (10 nhóm theo Luật BVCSSTE)	13.325	13.245	99,4	8.468	9.405	5.823	494	4.180	8.377
1	Trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi.	1.959	1.959	100	1.951	1.916	1.686	91	937	1.591
2	Trẻ em bị khuyết tật	10.806	10.731	99,3	6.257	7.235	4.041	403	3.070	6.561
3	Trẻ em là nạn nhân chất độc hoá học	102	102	100	97	75	65	-	14	49
4	Trẻ em nhiễm HIV/AIDS	131	131	100	116	131	30	-	94	108
5	Trẻ em lao động, trong đó:	237	237	100	-	158	87	95	155	-
	5.1. Trẻ em làm việc trong điều kiện nặng nhọc, nguy hiểm									
	5.2. Trẻ em tham gia hoạt động kinh tế và lao động	237	237	100	-	158	87	95	155	-
6	Trẻ em lang thang	65	65	100	47	47	-	-	47	65
7	Trẻ em bị xâm hại tình dục	5	5	100	-	1	1	-	3	3
8	Trẻ em nghiện ma túy	-	-	0	-	-	-	-	-	-
9	Người chưa thành niên vi phạm pháp luật	17	15	88,2	-	-	-	-	15	-
10	Trẻ em làm việc xa gia đình	3	-	0	-	-	-	-	-	-
II	Trẻ em bị tổn thương và có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt	42.017	40.005	95,21	-	33.930	25.725	534	5.579	19.453
11	Trẻ em bị mua bán, bắt cóc	-	-	0	0	-	-	-	-	-
12	Trẻ em bị ngược đãi, bạo lực	5	5	100	0	1	-	-	5	1
13	Trẻ em bị tai nạn thương tích	2.429	1.944	80	0	788	30	-	20	1.106
	Trong đó: Trẻ em bị tử vong	69	67	97,1	0	25	5	-	-	60
14	Trẻ em trong các gia đình nghèo	32.140	32.140	100	0	32.024	25.495	363	3.151	15.233
15	Trẻ em bỏ học khi chưa hoàn thành chương trình phổ cập 9 năm	374	303	81	0	-	-	105	101	100
16	Trẻ em sống trong gia đình có vấn đề xã hội (Cha mẹ nghiện rượu, sử dụng ma túy, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm, ly hôn, bạo lực gia đình)	4.524	3.775	83,4	0	744	139	3	1.865	1.693
17	Trẻ em sống trong gia đình có người vi phạm pháp luật (cha mẹ hoặc người nuôi dưỡng trực tiếp đang trong thời gian thi hành án)	1.389	964	69,4	0	150	26	41	309	579
18	Trẻ em sống trong gia đình có người nhiễm HIV/AIDS	543	471	86,7	0	201	29	22	125	339
19	Trẻ em sống trong gia đình có cha mẹ làm ăn xa (liên tục 6 tháng trở lên)	613	403	65,7	0	22	6	-	3	402

Nguồn số liệu: Theo Báo cáo số 1482/BC-LĐTBOXH ngày 22/5/2018 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

THỐNG KÊ TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT VÀ NGUY CƠ RƠI VÀO HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT NĂM 2016
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 25 /BC-HĐND ngày 08/6/2018 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND TP)

TT	Chi tiêu, mục tiêu	Năm 2016								
		Tổng số trẻ em	Tổng số trẻ em được chăm sóc, trợ giúp	Tỷ lệ trẻ em được chăm sóc, trợ giúp (%)	Số trẻ em được hưởng các hình thức trợ giúp, trong đó:					
					Được hưởng chính sách trợ giúp của					Được chăm sóc bằng các hình thức khác (hỗ trợ hồi gia, thăm tặng quà, nhận đỡ đầu, được nhận làm con nuôi...)
					Được trợ cấp xã hội thường xuyên	Được trợ giúp về y tế	Được trợ giúp giáo dục	Được hỗ trợ học nghề và giới thiệu, tạo việc làm phù hợp	Được tư vấn, hỗ trợ pháp lý	
		người	Người	(%)	người	người	người	người	người	người
I	Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	14.000	13.882	99,2	9.915	9.757	6.309	1.307	2.343	8.091
1	Trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi được hưởng trợ giúp xã hội, trong đó:	2.108	2.108	100	1.946	1.970	1.696	744	289	1.551
	- Trẻ em được chăm sóc tại Trung tâm bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp TE, trong đó:	737	737	100	575	737	737	254		737
	+ Công lập	575	575	100	575	575	575	254		575
	+ Ngoài công lập (cơ sở tôn giáo...)	162	162	100		162	162			162
	- Trẻ em được chăm sóc tại gia đình (chăm sóc thay thế)	1.371	1.371	100	1.371	1.233	959	490	289	814
2	Trẻ em bị khuyết tật, trong đó:	11.503	11.401	98,6	7.755	7.535	4.395	420	1.902	6.306
	Trẻ em khuyết tật được hưởng trợ cấp xã hội	7.755	7.755	100	7.755	7.535	4.395	420	1.902	2.660
	Trẻ em khuyết tật không được hưởng trợ cấp xã hội	3.748	3.646	97,3						3.646
3	Trẻ em là nạn nhân chất độc hoá học	57	57	100	57	57	35	15	23	39
	-Trẻ em nhiễm do di truyền	55	55	100	55	55	33	13	21	37
	-Trẻ nhiễm do các nguyên nhân khác	2	2	100	2	2	2	2	2	2
4	Trẻ em nhiễm HIV/AIDS	143	143	100	108	143	117	79	90	112
5	Lao động trẻ em (*). Trong đó:	114	98	86			13	45	21	18
	Trẻ em lao động trong điều kiện nặng nhọc, nguy hiểm (*)									
	Trẻ em tham gia hoạt động kinh tế và lao động (*)	114	98	86			13	45	21	18
6	Trẻ em lang thang	54	54	100	49	49	49			54
7	Trẻ em bị xâm hại tình dục	5	5	100		3			5	5
8	Trẻ em nghiện ma túy									
9	Người chưa thành niên vi phạm pháp luật	16	16	100			4	4	13	6
10	Trẻ em làm việc xa gia đình									
II	Trẻ em có HCDB khó khăn khác và có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt	50.786	48.467	95,4		44.714	40.855	808	3.591	18.827
11	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ	6.801	6.236	91,7		4.541	3.756	233	1.389	2.963
12	Trẻ em bị mua bán, bắt cóc									
13	Trẻ em bị ngược đãi, bạo lực	5	5	100		5			5	5
14	Trẻ em bị tai nạn thương tích	2.099	2.099	100		2.099	92		60	412
	Trong đó, Tổng số trẻ em bị tử vong	67	67	100						67
	-Trẻ em tử vong do đuối nước	54	54	100						54
	-Trẻ em tử vong do tai nạn giao thông	5	5	100						5
	-Trẻ em tử vong do nguyên nhân khác	8	8	100						8
15	Trẻ em sống trong các gia đình nghèo	35.738	35.738	100		35.738	35.738	259	596	13.061
16	Tổng số trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh	315	315	100		265	107		39	173
	-Tổng số trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ phẫu thuật tim	118	118	100		118	54			118

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	Năm 2016								
		Tổng số trẻ em	Tổng số trẻ em được chăm sóc, trợ giúp	Tỷ lệ trẻ em được chăm sóc, trợ giúp	Số trẻ em được hưởng các hình thức trợ giúp, trong đó:					
					Được hưởng chính sách trợ giúp của					Được chăm sóc bằng các hình thức khác (hỗ trợ hồi gia, thăm tặng quà, nhận đỡ đầu, được nhận làm con nuôi...)
					Được trợ cấp xã hội thường xuyên	Được trợ giúp về y tế	Được trợ giúp giáo dục	Được hỗ trợ học nghề và giới thiệu, tạo việc làm phù hợp	Được tư vấn, hỗ trợ pháp lý	
		người	Người	(%)	người	người	người	người	người	người
	- Tổng số trẻ em được phẫu thuật	53	53	100		53	53			53
17	Trẻ em tảo hôn									
18	Trẻ em bỏ học khi chưa hoàn thành chương trình phổ cập 9 năm	225	189	84			54	15	135	4
19	Trẻ em sống trong gia đình có vấn đề xã hội (Cha mẹ nghiện rượu, sử dụng ma túy, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm, ly hôn, bạo lực gia đình, HIV/AIDS...), trong đó:	3.712	2.598	70		1.576	657	49	1058	1363
	- Số trẻ em bị ảnh hưởng trực tiếp bởi HIV(*)	1.010	857	84,9		803				306
	- Số trẻ em có nguy cơ cao nhiễm HIV (*)	691	388	56,2		310				184
20	Trẻ em sống trong gia đình có người vi phạm pháp luật (cha mẹ hoặc người nuôi dưỡng trực tiếp đang trong thời gian thi hành án)	1.199	865	72,1		461	418	252	307	461
21	Trẻ em sống trong gia đình có cha mẹ làm ăn xa (liên tục 6 tháng trở lên).	692	422	61		29	33		2	385

Nguồn số liệu: Theo Báo cáo số 1482/BC-LĐTBXH ngày 22/5/2018 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

THÔNG KÊ TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT VÀ NGUY CƠ RƠI VÀO HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 25 /BC-HĐND ngày 08/6/2018 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND TP)

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	Năm 2017									
		Tổng số trẻ em	Tổng số trẻ em được chăm sóc, trợ giúp	Tỷ lệ trẻ em được chăm sóc, trợ giúp	Số trẻ em được hưởng các hình thức trợ giúp, trong đó:						
					Được hưởng chính sách trợ giúp của Nhà nước						
					Được trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	Được nhận trợ cấp tại BTXH	Được trợ giúp về y tế	Được trợ giúp giáo dục	Được hỗ trợ học nghề và giới thiệu, tạo việc làm phù hợp	Được tư vấn, hỗ trợ pháp lý	Được chăm sóc bằng các hình thức khác
		người	người	(%)	người	người	người	người	người	người	người
I	Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (theo Luật 2016)	14.261	14.165	99,3	9.665	612	11.766	6.931	1.194	4.453	8.316
1	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ	1.010	1.010	100	945	24	946	748	83	466	605
	Tại trung tâm BTXH (trực thuộc Sở)	24									
	Tại cộng đồng	986									
1,1	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ hiện sống với người thân thích	854	854	100	825		806	619	83	344	513
1,2	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ hiện được chăm sóc, thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích, trừ trường hợp được nhận làm con nuôi	85	85	100	79		74	65		53	32
1,3	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ hiện đang được nuôi dưỡng trong cơ sở dịch vụ bảo vệ trẻ em hoặc cơ sở bảo trợ xã hội	71	71	100	41	24	66	64		69	60
2	Trẻ em bị bỏ rơi	250	250	100	176	77	208	161	5	76	200
	Tại trung tâm BTXH	77									
	Tại Cộng đồng	173									
2,1	Trẻ em bị bỏ rơi chưa xác định được cha mẹ, người chăm sóc và nơi cư trú	1	1	100			1		0		1
2,2	Trẻ em bị bỏ rơi đã được nhận chăm sóc thay thế	249	249	100	176	77	207	161	5	76	199
3	Trẻ em không nơi nương tựa	404	404	100	252	121	375	341	4	81	319
	Tại trung tâm BTXH	121									
	Tại cộng đồng, trong đó:	283									
3,1	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật	32	32	100	30		32	29	0	1	27
3,2	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc không còn khả năng lao động	83	83	100	83		69	50	0	27	55
3,3	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc	110	110	100	110		101	89	2	44	88
3,4	Trẻ em có cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật	1	1	100	1		0	1	0	0	1
3,5	Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội	2	2	100	2		2	2	0	0	2

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	Năm 2017									
		Tổng số trẻ em	Tổng số trẻ em được chăm sóc, trợ giúp	Tỷ lệ trẻ em được chăm sóc, trợ giúp	Số trẻ em được hưởng các hình thức trợ giúp, trong đó:						
					Được hưởng chính sách trợ giúp của Nhà nước						Được chăm sóc bằng các hình thức khác
					Được trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	Được nhận trợ cấp tại BTXH	Được trợ giúp về y tế	Được trợ giúp giáo dục	Được hỗ trợ học nghề và giới thiệu, tạo việc làm phù hợp	Được tư vấn, hỗ trợ pháp lý	
		người	người	(%)	người	người	người	người	người	người	người
14,2	Trẻ em có quốc tịch nước ngoài di cư, lánh nạn, tị nạn vào VN không có người chăm sóc										
14,3	Trẻ em di cư, lánh nạn, tị nạn vào VN chưa xác định được quốc tịch, chưa xác định được cha mẹ, không có người chăm sóc										
14,4	Trẻ em bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa, ô nhiễm môi trường, xung đột vũ trang chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc										
II	Nhóm trẻ em khác	35.221	34.718	98,6	0		33.106	23.196	3.149	7.203	16.923
1	Trẻ em sống trong các gia đình nghèo	30.737	30.737	100	0		30.737	21.449	2.746	6.079	14.731
2	Trẻ em làm việc xa gia đình	3	3	100	0						3
3	Trẻ em tảo hôn	0	0	0	0						
4	Trẻ em sống trong gia đình có vấn đề xã hội (Cha mẹ nghiện rượu, sử dụng ma túy, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm, ly hôn, bạo lực gia đình, HIV/AIDS...)	3.642	3.280	90,1	0		2.010	1.665	379	977	1.885
5	Trẻ em sống trong gia đình có cha mẹ làm ăn xa (liên tục 6 tháng trở lên)	839	698	83,2	0		359	82	24	147	304

Nguồn số liệu: Theo Báo cáo số 1482/BC-LDTBXH ngày 22/5/2018 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội.



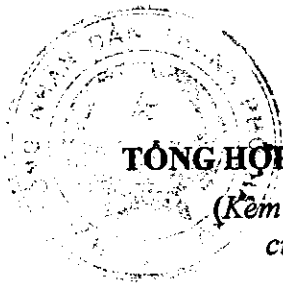
Biểu phụ lục số 05

THÔNG KÊ TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT VÀ NGUY CƠ RƠI VÀO HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT ĐẾN THÁNG 4/2018

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 25 /BC-HĐND ngày 08/6/2018 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND TP)

TT	NỘI DUNG	Tính đến tháng 4/2018			
		Tổng số trẻ em (người)	Tỷ lệ được chăm sóc (%)	Trong đó	
				Số trẻ em được hưởng chính sách trợ giúp của nhà nước (người)	Số trẻ em được chăm sóc các hình thức khác (người)
	Số trẻ em trên địa bàn, trong đó:	874.024	100	1.066	75.280
I	Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt				
1	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ	569	100	528	316
2	Trẻ em bị bỏ rơi	153	98	101	118
3	Trẻ em không nơi nương tựa	200	98	208	129
4	Trẻ em khuyết tật	7.593	99	6.273	3.738
5	Trẻ em nhiễm HIV/AIDS	55	100	34	26
6	Trẻ em vi phạm pháp luật	3	100	1	1
7	Trẻ em nghiện ma túy	-		-	-
8	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục THCS	51	85	1	8
9	Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực	-		-	-
10	Trẻ em bị bóc lột	-		-	-
11	Trẻ em bị xâm hại tình dục	7	100	-	7
12	Trẻ em bị mua bán	-		-	-
13	Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo.	306	97	275	28
14	Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc (trẻ em lang thang).	-		-	-
II	Trẻ em bị tổn thương và có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt	26.418	95	11.204	12.869

Ghi chú: Nguồn số liệu được tổng hợp từ báo cáo của 23 quận, huyện, thị xã: Ba Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Đông, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hoàng Mai, Long Biên, Nam Từ Liêm, Thanh Xuân, Sơn Tây, Ba Vì, Chương Mỹ, Đan Phượng, Gia Lâm, Hoài Đức, Mê Linh, Phú Xuyên, Phúc Thọ, Quốc Oai, Sóc Sơn, Thạch Thất, Thường Tín, Ứng Hòa.



TỔNG HỢP CÁC KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT CỦA CÁC ĐƠN VỊ

*(Kèm theo Báo cáo số: 25 BC/HĐND ngày 08/ 6/2018
của Ban Văn hóa- Xã hội HĐND Thành phố)*

1. Đề xuất, kiến nghị với Chính phủ

- Thực hiện Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng Bảo trợ xã hội: Tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định 136 quy định nhóm đối tượng trẻ em mồ côi, trẻ mất nguồn nuôi dưỡng được hưởng trợ cấp xã hội rất rõ ràng, tuy nhiên trong thực tế nhiều đối tượng trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ, người còn lại đã kết hôn hoặc bỏ đi không có trách nhiệm chăm sóc trẻ, để cho ông bà nội, ngoại nuôi. Điều kiện sống của số trẻ em đó và gia đình rất khó khăn, đề nghị Chính sách của Nhà nước điều chỉnh, hoàn thiện để nhóm trẻ em mồ côi, trẻ mất nguồn nuôi dưỡng trên được hưởng chế độ chính sách của Nhà nước. Đồng hành với chính sách đó, xử lý nghiêm với các cá nhân thiếu trách nhiệm nuôi dưỡng con đẻ trong độ tuổi trẻ em. *(Ba Vì)*

2. Kiến nghị, đề xuất với Thành phố

- Đề nghị Thành phố hướng dẫn xây dựng quy chế sử dụng quỹ BVCSTE cấp quận *(Hai Bà Trưng, Ba Vì)*.

- Đề nghị Thành phố mở các lớp tập huấn chuyên đề về nghiệp vụ bảo vệ chăm sóc trẻ em để trang bị những kiến thức trong việc thực hiện chương trình bảo vệ chăm sóc trẻ em giúp cán bộ cơ sở đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Thường xuyên tập huấn, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ chuyên trách, nhất là đội ngũ kiêm nhiệm ở cơ sở, đội ngũ cộng tác viên các tổ dân phố để việc thực hiện Chương trình Quốc gia Bảo vệ chăm sóc trẻ em được hiệu quả hơn *(Hai Bà Trưng, Cầu Giấy, Long Biên, Ba Đình, Bắc Từ Liêm, Ba Vì, Chương Mỹ, Đan Phượng, Gia Lâm, Phú Xuyên, Quốc Oai, Sóc Sơn)*.

- Đề nghị xem bổ sung định biên cho đội ngũ cán bộ công chức chuyên trách công tác bảo vệ trẻ em cấp Quận và cấp phường *(Cầu Giấy, Hoàng Mai, Ba Vì, Hoài Đức)*.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em đến các cấp, các ngành và nhân dân trên địa bàn quận bằng nhiều hình thức *(Cầu Giấy, Ba Vì, Sóc Sơn)*.

- Quan tâm hỗ trợ hơn nữa cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn *(Cầu Giấy)*.

- Bổ sung thêm nguồn kinh phí cấp cho Công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em, cán bộ công tác viên *(Cầu Giấy, Long Biên, Nam Từ Liêm, Ba Vì, Đan Phượng, Hoài Đức, Sơn Tây)*.

- Đề nghị Thành phố bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng các khu vui chơi, trang bị đầy đủ các trang thiết bị tại các quận huyện. *(Nam Từ Liêm, Phú Xuyên, Quốc Oai, Sóc Sơn)*.